

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM YÊN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **200/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 08/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Văn Tuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Nguyễn Văn Sơn - Cán bộ thanh tra huyện.

2. Bà: Đinh Thị PH Thảo - Giáo viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1993;

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/02/2015. Trước khi kết hôn được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng hay cãi chửi nhau. Hiện nay chị và anh T không còn sống chung với nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung*: Chị và anh Trần Văn T có 01 con chung là cháu Trần Duy H1, sinh ngày 08/10/2015, hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Duy H1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung*: Chị và anh Trần Văn T không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Chị và anh Trần Văn T không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai và quá trình hòa giải anh T trình bày (bút lục số 24, 25 và 30):*

Anh và chị Lê Thị H qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/02/2015, sau khi kết hôn hai vợ chồng đi làm ở Hà Nội đến khoảng tháng 02/2020 vợ chồng về nghỉ tết âm lịch, chị H ở lại huyện Hàm Yên để mở quán làm móng, mi, còn anh vẫn đi làm ở Hà Nội đến khoảng tháng 3/2020 mới về. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, thỉnh thoảng mới xảy ra những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Từ tháng 3/2020 cho đến nay tuy vợ chồng không thường xuyên sống cùng nhau nhưng thỉnh thoảng anh vẫn đến thăm chị H và con, hiện nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị H sinh sống. Nay anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng. Do vậy anh không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Anh và chị Lê Thị H có 01 con chung là cháu Trần Duy H1, sinh ngày 08/10/2015. Nếu chị H kiên quyết ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Duy H1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- *Về tài sản chung*: Anh và chị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh và chị H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa chấp hành việc triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- *Về nội dung*: Chị H và anh T kết hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/02/2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống. Hiện chị H và anh T đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng. Căn cứ vào các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Duy H1, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T kết hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 04/02/2015, trên cơ sở hoàn T tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị H xác định cuộc sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không thể hòa hợp được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện chị Lê Thị H và Trần Văn T kết hôn với nhau từ năm 2015, chị H và anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã X, huyện Y, nhưng không thường xuyên sinh sống ở địa phương, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh với gia đình anh T xác định: Sau khi kết hôn anh T và chị H sinh sống cùng bố, mẹ đẻ anh T tại thôn Chợ Bọ 2, xã Bình Xa, huyện Hàm Yên, cuộc sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh T không nhất trí ly hôn, tuy nhiên trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn xảy ra và khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, vì không thể chung sống với anh T được nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ chị H sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Do vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không thể tồn tại được một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc và tiến bộ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Trần Duy H1, sinh ngày 08/10/2015, hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị H. Chị H có

nguyên vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H1 đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng có nguyên vọng sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H1 đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị H và anh T sống ly thân thì cháu H1 ở cùng với chị H, ngoài ra thấy rằng chị H hiện sinh sống và làm việc ở địa phương, đối với anh T theo gia đình anh T xác định hiện nay anh T không có mặt ở địa phương do đi làm ăn xa, còn đi làm ở đâu, địa chỉ cụ thể như thế nào gia đình cũng không xác định được. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu Trần Duy H1, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Trần Duy H1 cho chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Do chị H không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vay nợ chung*: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28; 147; 227; 228; 235; 266; 267; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Duy H1, sinh ngày 08/10/2015 cho chị Lê Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002056, ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được hay niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã X (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Mạc Văn Tuyền**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Thanh Tùng - Phan Thị Bích**

**Mạc Văn Tuyển**

\

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục T.H.A DS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Bình Xa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạc Văn Tuyên**









